TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2017/QĐST-KDTM	*Đak Pơ, ngày 27 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2016/TLST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2016.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, quận Hoàng Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Vĩnh M - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển tỉnh Gia Lai, theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 1014/QĐ-PC ngày 01/7/2013.

Người đại diện được ủy quyền lại: Ông Tô Phong L - Phó giám đốc Phòng giao dịch khu vực đông Gia Lai thuộc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển tỉnh Gia Lai, theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 748/QĐ-BIDV.GL ngày 31/5/2016.

+ Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: đội 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tân Vĩnh H - Chức vụ: Giám đốc.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Tân Vĩnh H, sinh năm: 1950

Ông Tân Vĩnh T, sinh năm: 1973

Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm: 1980

Đều cùng địa chỉ: 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Bà Phan Thị T, sinh năm : 1953

Địa chỉ: 18 Ngô Mây, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ông Tân Vĩnh H là người đại diện theo ủy quyền cho bà Phan Thị T và bà Nguyễn Thị Mai L (Theo giấy ủy quyền ngày 12 tháng 10 năm 2016). Ông Tân Vĩnh H là

người đại diện theo ủy quyền cho ông Tân Vĩnh T (Theo giấy ủy quyền ngày 10 tháng 9 năm 2016)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ông Tô Phong L và đại diện cho Công ty TNHH T ông Tân Vĩnh H thống nhất tính đến ngày 19/9/2017, Công ty TNHH T Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền nợ gốc là 21.004.775.802 đồng (Hai mươi mốt tỷ, không trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm bảy lăm nghìn, tám trăm lẻ hai đồng) và nợ lãi là 21.759.006.741 đồng (Hai mươi mốt tỷ, bảy trăm năm mươi chín triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm bốn mươi mốt đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi là 42.763.782.543 đồng (Bốn mươi hai tỷ, bảy trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng). Công ty TNHH T đồng ý trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam thông qua Phòng giao dịch khu vực đông Gia Lai thuộc chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển tỉnh Gia Lai toàn bộ số tiền nợ trên.

+ Thời hạn trả nợ: Giữa các đương sự thỏa thuận cụ thể như sau:

- Thời hạn trả nợ gốc: 21.004.775.802 đồng chia làm 07 kỳ:

Ngày 30/9/2017 trả 2.000.000.000 đồng; ngày 31/12/2017 trả 4.000.000.000 đồng; ngày 31/3/2018 trả 3.000.000.000 đồng; ngày 30/6/2018 trả 3.000.000.000 đồng; ngày 30/9/2018 trả 3.000.000.000 đồng; ngày 31/12/2018 trả 3.000.000.000 đồng và ngày 31/3/2019 trả 3.004.775.802 đồng.

- Thời hạn trả nợ lãi: 21.759.006.741 đồng chia làm 04 kỳ:

Ngày 30/6/2019 trả 5.000.000.000 đồng; ngày 31/12/2019 trả 5.000.000.000 đồng; ngày 30/6/2020 trả 5.000.000.000 đồng và ngày 31/12/2020 trả 6.759.006.741 đồng.

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

+ Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán được khoản nợ trên hoặc thực hiện không đúng bất kỳ thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận, thì Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự, xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng cùng với tiền lãi và lãi suất quá hạn phát sinh. Tài sản thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay của Công ty TNHH T gồm:

STT	Mô tả biện pháp đảm bảo	Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh số/ngày
1	Bất động sản là văn phòng làm việc tại Đội 5, Xã P, huyện Đ, Tỉnh Gia Lai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 459268 cấp ngày 03/01/2007 do UBND tỉnh Gia Lai cấp + Giấy phép xây dựng số 09/SXD-GP do Sở xây dựng cấp ngày 27/02/2012 + Hồ sơ xin giấy phép xây dựng + Hồ sơ dự toán do Công ty tư vấn thiết kế và xây dựng An	01/2012 ngày 04/07/2012

	Bình Long đã được Công ty TNHH TVXD Thuận Phát thẩm tra + Bản xác nhận công trình đã xây dựng hoàn thành số 61/SXD-QLN do Sở xây dựng cấp ngày 15/05/2012 + Bản vẽ hiện trạng công trình + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Công ty TNHH MTV xây dựng An Tân; chủ sở hữu là Công ty TNHH T	
2	Bất động sản là toàn bộ nhà xưởng tại Đội 5, Xã P, huyện Đ, Tỉnh Gia Lai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 459268 cấp ngày 03/01/2007 do UBND tỉnh Gia Lai cấp + Hồ sơ thiết kế, dự toán, quyết toán công trình + Giấy phép xây dựng kèm theo; chủ sở hữu là Công ty TNHH T	02/2009 ngày 28/08/2009 + 04/2009 ngày 01/09/2009 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tài sản gắn liền với đất số 05/2012 ngày 04/07/2012
3	Bất động sản là khách sạn Tân Quốc Vương: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 543202 do UBND thị xã A cấp ngày 14/06/2007 + Hợp đồng góp vốn số 575/HĐ-GD ngày 06/06/2007 + Giấy phép XD số 39/GPXD ngày 30/07/2007 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai + Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 646232362300148 do UBND tỉnh Gia Lai cấp ngày 08/12/2009; chủ sở hữu là Công ty TNHH T	01/2010 ngày 08/01/2010 và phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất & tài sản gắn liền với đất số 01/2010 ngày 04/02/2010 + văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất & tài sản gắn liền với đất số 01/2012 ngày 04/07/2012
4	Máy cưa mâm (7KW): 03 cái; Máy cưa cắt: 01 cái; Máy dòng nằm: 02 cái; Máy dòng đứng: 01 cái; chủ sở hữu là Công ty TNHH T	01/2007 ngày 09/01/2007
5	Hệ thống sấy gỗ: MMTB trong 04 lò sấy; chủ sở hữu là Công ty TNHH T	04/2007 ngày 23/01/2007
6	Hệ thống Máy tẩm áp lực chân không 1,4m x 5m và MMTB kèm theo; chủ sở hữu là Công ty TNHH T	02/2007 ngày 29/05/2007
7	Các lô gỗ các loại; chủ sở hữu là Công ty TNHH T	06/2008 ngày 31/03/2008
8	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	04/2008 ngày 28/01/2008
9	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	08/2008 ngày 18/04/2008

10	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	02/2009 ngày 09/07/2009
11	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	03/2009 ngày 28/08/2009
12	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	05/2009 ngày 17/11/2009
13	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	01/2010 ngày 15/03/2010
14	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	02/2010 ngày 22/03/2010
15	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	03/2010 ngày 20/04/2010
16	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	04/2010 ngày 21/04/2010
17	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	06/2010 ngày 05/07/2010
18	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	08/2010 ngày 05/07/2010
19	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	09/2010 ngày 06/07/2010
20	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	10/2010 ngày 06/07/2010
21	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	11/2010 ngày 13/09/2010
22	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	13/2010 ngày 25/10/2010
23	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	01/2011 ngày 05/01/2011
24	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	02/2011 ngày 05/01/2011
25	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	05/2011 ngày 12/01/2011
26	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	06/2011 ngày 12/01/2011
27	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	07/2011 ngày 15/03/2011
28	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	08/2011 ngày 26/05/2011
29	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	09/2011 ngày 09/06/2011
30	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	10/2011 ngày 13/06/2011
31	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	01/2012 ngày

		20/07/2012
32	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	02/2012 ngày 20/07/2012
33	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	03/2012 ngày 20/07/2012
34	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	04/2012 ngày 08/08/2012
35	Lô gỗ các loại: chủ sở hữu là Công ty TNHH T	05/2012 ngày 04/01/2013

+ Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam thì buộc Công ty TNHH T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh.

+ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ số tiền trên và đã nộp đủ số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

+ Về án phí: Công ty TNHH T tự nguyện chịu 75.381.891 đồng (Bảy mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm chín mươi mốt đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH T chưa nộp án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 75.902.191 đồng (Bảy mươi lăm triệu, chín trăm lẻ hai nghìn, một trăm chín mươi mốt đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004089 ngày 15/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình